QUESTIONNATRE FOR O.D.P. APPLICANTS.

-----000-----

Questiennaire for O.D.P. applicants

A. Basic Identifrication data

Dates : March 5th 1990.

1. Name : DE NGUYEN CONG
2. Other name : DE NGUYEN CONG
3. Date/Place of birth : 10.04.1948 tại Quận IV Chợ Lớn
4. Residence address : K_1/B74 Phường Hiệp Thành, TX Thủ Dầu Một, Tỉnh Sông-Bé.
5. Mailming address : k_1/B74 Phường Hiệp Thành, TX. Thủ Dầu Một Tỉnh Sông Bé
6. Current occupation : Nông Dân

B. Relatives to accompany me :

(Note : your spouse and unmarried children are theo only relatives eligible to accompany you, list marital estatus (Ms) as pollows : married (M), Divoreed (D) widoued (W) or sigle (s)

Names	Date of birth	Place of birth	Sex	MS	Relationship
Phan-thị-Sống	16.12.1953	BìnhDương	Nữ	Có gia đình	Vợ
Nguyễn-phương-Thủy	14.5.1987	Sông Bé	Nữ	còn nhỏ	con
Nguyễn-thảo-Nguyên	28.12.1989	Sông Bé	Nữ	còn nhỏ	con

(Note : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married (if widoued) identifiction card (if avail able) an photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in section I below).

C. Relatives outside Vietnam

1. Clowest relative in thes U.S
   a. Name : NGHI PHAM HOANG
   b. Relatihship : Em con dì ruột
   c. Address : 2528 Sundace Lane, Dallas Texas 75252
2. Clowest relative in other Foreign countries
   a. Name : HUONG PHAM THI
   b. Relationship : Em cin dì ruột
   c. Address : France

D. Complete family listing (living/dead)

	Name	Address
1. Father	Ng-văn-Được (c)	
2. Mother	Trần-thị-Siêm (s)	k_1/B74 Phường Hiệp Thành, TX.TDM Sông-Bé
3. Spouse	Phan-thị-Sống (M)	-nt-
4. Former spouse (if any) :	không	

5. Chidren :

Ng-phương-Thủy	(s)	-nt-
Ng-thảo-Nguyên	(s)	-nt-

6. Siblings :

Ng công Đắc	(s)	Trường cấp II Chơn Thành Sông Bé
Ng-t-ngọc-Diệp	(s)	Chơn Thành Bình-Long SôngBé
Ng-thị-Thu	(s)	Bình-Long - SôngBé

E. Employment by U.S goverment agencies or other U.S organisation of you or your spouse.

NO :

F. Service with G.V.N. or R.V.N.A.F by you or your spouse :

1. Name of person serving : DE NGUYEN CONG
   service number : 68/143447
2. Dates : From 1968 To : 20.9.74
3. Last rank : 1 LT
4. Ministry/offices/Military unit
   70th Bn Ranger KBC 8525
5. Name of supervisor / c.o :
   Mjor KHAI HOANG TRONG
6. Reason for leaving :
   Theo chính sách của hai nước VN và Mỹ
7. Names of American Advisor (s)
8. U.S. Training courses in VN.
9. U.S Awards or certificates.
   The Bronye star with ''V'' Device.

(Note : Please attach any copies or diplomas, awards or certificates, if available. Available ? Yes

G. Reeducation of you or your spouse

1. Name of person in reeducation
   DE. NGUYEN CONG
2. Total time in reeducating
   6 years 3 months
3. Still in reeducation : No

(If released, we must have a copy of ypur release certificaton)

H. Any Additional Remarks ?

Signature — Date

March 5 th 1990

I.I please list here all documents attached tô this questionnaire

- 01 giấy ra trại
- 02 CNMD
- 02 Khai sinh của con
- 01 hộ khẩu
- 01 Huy chương Hoa Kỳ cấp
- 01 Hôn thú.

NGUYEN CONG DE
68 143 447

FROM: Nguyễn Công Đệ
K1/B74 Hiệp Thành
TXTDM, Sông Bé.

17730

417

TO: KHÚC-MINH-THƠ
P.O. BOX. 5435 ARLINGTON
VA. 22205-0635
U.S.A.

15 - 97. 730đ.

CÔNG AN TỈNH SÔNG BÉ

BAN CHỈ HUY AN NINH NHÂN DÂN

Số: 369

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

BIÊN NHẬN

Công An tỉnh Sông Bé (Tổ xuất cảnh) có nhận hồ sơ xin xuất cảnh đi nước ngoài về việc riêng của:

Ông, Bà Nguyễn Công Đệ sinh năm 1945

Nghề nghiệp công nhân xn 3/2

Thường trú K1/B74 Hiệp Thành - Thủ Dầu Một - Sông Bé

Hồ sơ xin x/cảnh diện đoàn tụ ...

Số người xin đi 03.

Sông Bé, ngày 20 tháng 12 năm 1987

Cán bộ nhận hồ sơ

Ngô Văn Cảo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: [redacted]

Họ tên PHAN-THỊ-SÁNG

Sinh ngày 16-12-1953

Nguyên quán Phú-Hòa
Thủ-Dầu-Một Sông-Bé

Nơi thường trú Phú-Hòa
Thủ-Dầu-Một Sông-Bé

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không
[redacted]	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH Nốt ruọi C1,5cm sau duoi mát phai
[redacted]	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 21 tháng 09 năm 1979 GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN PHÓ TRƯỞNG TY [illegible]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: [redacted]

Họ tên: NGUYỄN CÔNG ĐỆ

Sinh ngày 10-05-1948

Nguyên quán Hiệp Thành
Thủ Dầu Một Sông Bé

Nơi thường trú Hiệp Thành
T.X Thủ Dầu Một Sông Bé

Dân tộc: kinh Tôn giáo: không

[redacted]	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		Nốt ruồi C 0,5cm trên sau cánh, mũi phải	
[redacted]	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 18 tháng 06 năm 1982 GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN [illegible] Chí Thanh	

BỘ NỘI VỤ
Trại Hà Tây
Số 415 GRT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2555 ngày 21 tháng 11 năm 1973

SHLĐ : 0007.78.0781.2

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA ngày 21-5-1961 của Bộ Nội vụ;
Thi hành án văn, quyết định tha số 1BNV/QĐ ngày 10 tháng 10 năm 1980
của Bộ nội Vụ
Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:
Họ, tên khai sinh: Nguyễn Công Độ
Họ, tên thường gọi:
Họ, tên bí danh:
Sinh ngày [illegible] tháng [illegible] năm 1948
Nơi sinh: [illegible] Chánh hiệp, châu thành, Bình dương
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:
165/2 ấp 2 hiệp thành, châu thành Sông bé.
Can tội: [illegible]
Bị bắt ngày 10.2.1974 Án phạt TTCT
Theo quyết định, án văn số [illegible] ngày [illegible] tháng [illegible] năm 1978 của Bộ nội Vụ.
Đã bị tăng án ...... lần, cộng thành ...... năm ...... tháng
Đã được giảm án ...... lần, cộng thành ...... năm ...... tháng
Nay về cư trú tại 165/2 ấp 2 hiệp thành, châu thành, Sông bé.
Nhận xét quá trình cải tạo:
Tư tưởng: Chưa có biểu hiện [illegible], tin tưởng vào sự lãnh đạo của đảng và nhà nước ta. Lao động có nhiều cố gắng hoàn thành công việc được giao, nhưng chưa chịu khó học hỏi để nâng cao tay nghề, vì vậy chất lượng công việc đạt chưa cao. [illegible] phạm gì lớn. Xếp loại cải tạo khá./.

Lăn tay ngón trỏ phải
Của Nguyễn Công Độ
Danh bản C14
Lập tại 2375

Họ, tên, chữ ký người được cấp giấy
NGUYỄN CÔNG ĐỘ

Ngày [illegible] tháng 10 năm 1980
Giám thị
TRUNG UÝ: [illegible] Nhân

C I T A T I O N

THE BRONZE STAR WITH " V " DEVICE

Approved for presentation by the United States Army for conspicuous gallantry in action against a hostile force during the period 26 September 1971 to 20 October 1971 is awarded to the following individuals.

TUYÊN DƯƠNG CÔNG TRẠNG TRƯỚC TRUNG ĐOÀN

Được chấp thuận cấp tặng bởi Lục Quân Hoa Kỳ cho những hoạt-động anh dũng chống lại quân thù từ 26 tháng 9 Năm 1971 đến 20 tháng 10 Năm 1971. Những quân nhân sau đây được cấp tặng.

TRẦN HỮU PHƯƠNG	1LT	68/120.202	30th Bn
ĐOÀN VĂN XƯƠNG	1LT	65/128.415	30th Bn
VŨ VĂN CẤT	CPT	61/11T.012	5th Cp
NGUYỄN PHÁO AN	1LT	63/112.157	33rd Bn
HUỲNH VĂN GIAO	SGT	65/175.713	33rd Bn
NGUYỄN CÔNG ĐỆ	2LT	/143.447	38th Bn
NGÔ HỒNG HẢI	SPC	51/112.337	38th Bn
LÊ VĂN MINH	SGT	64/139.009	38th Bn
PHẠM VĂN TRÁC	SGT	59/200.684	Recon Co

2. **THE ARMY COMMENDATION MEDAL WITH "V" DEVICE.**

QUÂN PHONG BỘI TINH.

TRẦN TRẠI	SGT	63/128.415	30th Bn
KIỀU PHƯỚC LÂM	SPC	66/159.801	30th Bn
NGUYỄN VĂN HOÀNG	SPC	71/120.420	30th Bn
HUỲNH BẢI	SPC	65/200.561	30th Bn
DƯƠNG VỐN	CPL	70/108.853	30th Bn
ĐẶNG VĂN XINH	CPL	68/127.350	30th Bn
NGUYỄN VĂN CỐ	PFC	72/135.099	30th Bn
NGUYỄN VĂN LONG	PFC	72/104.883	30th Bn
NGUYỄN VĂN VÀNG	SGT	65/175.713	33rd Bn
BÙI VĂN TIỀN	CPL	58/823.396	33rd Bn
LÊ VĂN NGÀN	1 CPL	70/108.326	33rd Bn
NGUYỄN VIẾT TƯ	CPL	70/112.796	38th Bn
PHẠM VĂN CHOI	PVT	71/135.001	38th Bn
TRẦN VĂN HỮU	1CPL	62/157.342	Recon Co.

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .... Từ ngày .... tháng ..... năm .... Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : .... Từ ngày ..... tháng ...... năm .... Ký tên, đóng dấu
Chứng nhận đã chuyển đến ở : .... Từ ngày .... tháng ..... năm .... Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : .... Từ ngày ..... tháng ...... năm .... Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

TỈNH SÔNG BÉ

SỞ TÀI CHÁNH SÔNG BÉ THỂ CHỨNG THƯ "200"

Số : 005014 CN

Họ và tên chủ hộ : Trần Văn ...

Ấp, ngõ, số nhà : K1/B.74 Tổ 01

Thị trấn, đường phố : ....

Xã, phường : Hiệp Thành . Thị xã Thủ Dầu Một

Ngày 01 tháng 12 năm 1984

Trưởng công an : Thị xã Thủ Dầu Một

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CÔNG CHỨNG VIÊN

Lê-văn-Qua

Số NK 3 : 06

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
~~01~~	~~Nguyễn Văn [illegible]~~	~~Chủ hộ~~	~~Nam~~	~~1910~~		~~Mất sức lao động~~	~~20.10.75~~	đã chết 09/[illegible]/85	
02	Nguyễn Thị Hiếu	Vợ	Nữ	1919	280012555	Mất sức lao động	20.10.75		[illegible]
03	Nguyễn Công Thể	con	Nam	1949		Làm ruộng	07.07.81		[illegible]
04	Nguyễn Thị Ánh Dương	Con	nữ	1978			10.08.85		[illegible]
05	Phạm Thị Hồng	Dâu	nữ	1953	280222079	giáo viên	24.10.86		[illegible]
06	Nguyễn Phương Thùy	Cháu Nội	Nữ	1987			25-05-87		ĐÃ ĐĂNG KÝ

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường: Hiệp Thành
Huyện, Quận: TX. Thủ Dầu Một
Tỉnh, Thành phố: Sông Bé

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số: 02/90
Quyển số: 01

GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ và tên: NGUYỄN THẢO NGUYÊN   Nam hay nữ: Nữ
Ngày, tháng, năm sinh: 28.12.1989 (Ngày Hai Mươi Tám, Tháng Mười Hai, Năm Một Ngàn Chín Trăm Tám Mươi Chín).
Nơi sinh: Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Sông Bé
Dân tộc: Kinh   Quốc tịch: Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	PHAN THỊ SÁNG	NGUYỄN CÔNG ĐỆ
Tuổi	1953 (37 Tuổi)	1948 (42 Tuổi)
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Giáo Viên	Công Nhân
Nơi thường trú	KI/B.74 Tổ OI Hiệp Thành Thủ Dầu Một Tỉnh Sông Bé	KI/B.74 Tổ OI Hiệp Thành Thủ Dầu Một Tỉnh Sông Bé

5/89 QĐ 261/QĐ. HI

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai
NGUYỄN CÔNG ĐỆ 42 Tuổi Thường Trú Tại KI/B.74 Tổ OI Hiệp Thành Thị Xã Thủ Dầu Một Tỉnh Sông Bé CMND Số: 28036351? Công An Sông Bé Cấp Ngày 18.06.1982

Đăng ký ngày 05 tháng 01 năm 1990
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN P. Hiệp Thành
Chủ Tịch
TRẦN VĂN BẰNG
(Đã ký và đóng dấu)

Người đứng khai
NGUYỄN CÔNG ĐỆ
(Đã ký)

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH Số: 02/ ...
Ngày 05 tháng 01 năm 1990.
T/M UBND Phường Hiệp Thành
ký tên, đóng dấu

Hanh

ỦY BAN NHÂN DÂN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	Mẫu số HT12/P3
Xã, Phường Hiệp Thành	Độc lập — Tự do — Hạnh phúc	QĐ số
Huyện, Quận TDM		Ngày 24/7/1986
Tỉnh, Thành phố Sông Bé		Số 22
		Quyển số 02

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

	CHỒNG	VỢ
Họ và tên	Nguyễn Công Đề	Phan Thị Sáng
Bí danh	/	/
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	10 - 5 - 1948 (miệt chấn hộ tân)	16 - 12 - 1953
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Công nhân	Giáo viên
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	K1/B74 tổ 1 Phường Hiệp Thành TDM Sông Bé	34/3 Phú Lợi Phú Hòa - TDM Sông Bé
Số giấy chứng minh nhân dân: hoặc hộ chiếu	280363519	280242079

Đăng ký ngày 24 *tháng* 7 *năm* 1986

Người chồng ký	Người vợ ký	TM. U.B.N.D. Phường Hiệp Thành CHỦ TỊCH
[signature]	[signature] Sáng	[stamp] [signature] Trần Văn Bảng

Nguyễn Công Đề Phan Thị Sáng

TP. 691/77 — 2.000.000

13

SỞ TÀI CHÁNH
SÔNG BÉ
LỆ PHÍ CHỨNG THƯ
200đ

CHỨNG THỰC SAO Y SỐ 8215V/2
THỊ XÃ ... VĂN THÀNH là
ĐÚNG ... CHỨNG THỰC
BẢN SAO ... phan thị say
... đúng với ...

Ngày 26 tháng 7 Năm 1982
CÔNG CHỨNG VIÊN

THỊ XÃ THỦ DẦU MỘT

Đỗ văn Thành

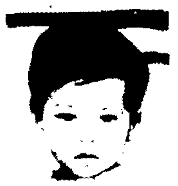

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, thị trấn Hiệp Thành
Thị xã, quận TDM
Thành phố, Tỉnh S/Bé

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu HT2/P3

Số: 403
Quyển số: 02

GIẤY KHAI SANH

Họ và tên	NGUYỄN PHƯƠNG THỦY	Nam, nữ: Nữ
Sinh ngày tháng năm	Ngày mười bốn tháng năm, năm một chín tám bảy (14.05.1987)	
Nơi sinh	bệnh viện tỉnh S/Bé	
Khai về Cha, mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Công Tệ 1948	Phan Thị Sang 1953
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam.	Kinh Việt Nam.
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	công nhân dép Dừa K1/B74 tổ 1 HT	giáo viên
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Công Tệ 1948 K1/B74 tổ 1 phường Hiệp Thành	

Đăng ký ngày 5 tháng 01 năm 19 87

T.M.: U.B.N.D. [illegible] ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ, tên, chức vụ)
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Bằng

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV.# ______
VEWL.# ______
I-171: ___Y___N___

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyen (Last) Cong (Middle) Dê (First)

Current Address: K1/ BT 4, P. Hiep Thanh, Thu Dau Môt, Song Bé

Date of Birth: 05/10/48 Place of Birth: Chò Lon

Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position) 1 LT

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 09/10/74 To 12/9/80
Years: 6 + Months: ______ Days: ______

3. SPONSOR'S NAME: ______
Name
______
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: ______

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : ______________________
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

____

____

. ADDITIONAL INFORMATION :

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#________

WEWL#________

I-171___Y ___NO

EXIT VISA #________

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN (Last) CONG (Middle) DE (First)

   Current Address: K1/B74 tổ 2. P. Hiệp Thành Thủ dầu một. Songbe

   Date of Birth: 05-10-1948 Place of Birth: Bình-dương

   Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position) Lieutenant

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 09-20-1974 To 12-09-1980

   Years: 06 Months: 03 Days: ____

3. SPONSOR'S NAME: ________
   Name

   ____
   Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: ________

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : ______________________
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
PHAN. THI. SANG		
NGUYEN PHUONG THUY		

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

____

____

5. ADDITIONAL INFORMATION :

Nguyễn-công Đệ
sanh ngày 10-05-1948 Khóa 9/68 Thủ Đức
Ra trường 16-08-69 cấp bực chuẩn úy
Thuộc T Đoàn 38 BĐQ.
Bị bắt lần I ngày 02-05-72 tại
Quảng Trị và đưa đi Bắc
Trao trả tù binh tháng 3/1973
Tháng 3/73 → 08/73 ở Trại An
Dưỡng Biên Hoà
Thg 9/73 trở về Tiểu Đoàn 38 BĐQ
Tháng 12/1973 đổi về TĐ 30 BĐQ
Tháng 9/74 bị bắt lần II và
đưa ra Bắc cải tạo
Được thả về 09/12/1980
Chưởng tình HO

CÔNG AN TỈNH SÔNG BÉ

BAN CHỈ HUY AN NINH NHÂN DÂN

Số: 369

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

BIÊN NHẬN

Công An tỉnh Sông Bé (Tổ xuất cảnh) có nhận hồ sơ xin xuất cảnh đi nước ngoài về việc riêng của:

Ông, Bà Nguyễn Công Độ sinh năm 1948

Nghề nghiệp công nhân XN 3/2

Thường trú K1/B74 Hiệp Thành, Thủ Dầu Một, Sông Bé

Hồ sơ xin x/cảnh diện đoàn tụ

Số người xin đi 03.

Sông Bé, ngày 20 tháng 10 năm 1987.

Cán bộ nhận hồ sơ

Ngô Văn Côn

BỘ NỘI VỤ
Trại [illegible]
Số 415 [illegible]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTC, ban hành theo công văn số 2555 ngày 21 tháng 11 năm 1973

SHSLĐ : 0007.78.0781.2

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-[illegible] ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 1BNV/QĐ ngày 10 tháng 10 năm 1980

của [illegible] Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: N[illegible] [illegible] Độ.

Họ, tên thường gọi: [illegible]

Họ, tên bí danh: [illegible]

Sinh ngày [illegible] tháng [illegible] năm 19[illegible]

Nơi sinh: [illegible], Bình Dương

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:

[illegible] ấp 2 [illegible] thạnh, Châu thành, Bến Tre.

Can tội: [illegible]

Bị bắt ngày [illegible] án phạt: [illegible]

Theo quyết định, án văn số [illegible] ngày [illegible] tháng [illegible] năm 1978 của Bộ Nội Vụ.

Đã bị tăng án [illegible] năm, cộng thành [illegible] năm [illegible] tháng [illegible]

Đã được giảm án [illegible] năm, cộng thành [illegible] năm [illegible] tháng [illegible]

Nay về cư trú tại: 165/2 ấp 2 [illegible] thạnh, Châu thành, Bến Tre.

Nhận xét quá trình cải tạo:

[illegible], tin tưởng vào sự [illegible] nước ta. Lao động có nhiều cố gắng [illegible] chưa chịu khó học hỏi [illegible] chất lượng công việc đạt chưa [illegible] cải tạo

Lăn tay ngón trỏ phải
Của [illegible]
[illegible]

Họ, tên chữ ký
người được cấp giấy

N[illegible] [illegible] Độ

Ngày 9 tháng [illegible] năm 1980
Giám thị
TRUNG ÚY : Phạm [illegible] Hồn

CHỨNG THỰC BẢN SAO Y [illegible]
[illegible]

SỞ TÀI CHÁNH
LỆ PHÍ CHỨNG THƯ
200

NATIONAL OFFICE
IMMIGRATION AND REFUGEE SERVICES
1312 MASS. AVE. N.W.
WASHINGTON D.C. 20-50
ATTIMES U.S.A.

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

THE PURPOSE OF THIS FORM IS TO IDENTIFY PERSONS WHO ARE OR WERE FORMERLY INTERNED IN RE-EDUCATION CAMP IN VIETNAM SO THAT ELIGIBILITY FOR US ADMISSION VIA THE ODP CAN BE ESTABLISHED :

APPLICANT IN VIETNAM

NAME : DE NGUYEN-CONG SERVICE NUMBER : 68/143447

RANK : 1LT

FUNCTION : chief company (70th Bn K.BC 7525)

CURRENT ADDRESS : K1/B74 Tổ 1. Phường Hiệp-Thành T.X Thủ dầu một, Tỉnh Sông Bé

DATE OF BIRTH : 10-05-1948

NAME OF ACCOMPANYING RELATIVE DEPENDANT :

SANG PHAN-THI

THUY NGUYEN-PHUONG

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP :

FROM : 20-9-1974 TO : 9-12-1980

SIGNATURE OF THE APPLICANT.

Nguyễn-công-Đệ.

CITATION

THE BRONZE STAR WITH "V" DEVICE

Approved for presentation by the United States Army for conspicuous gallantry in action against a hostile force during the period 26 September 1971 to 20 October 1971 is awarded to the following individuals.

TUYÊN DƯƠNG CÔNG TRẠNG TRƯỚC TRUNG ĐOÀN

Được chấp thuận cấp tặng bởi Lục Quân Hoa Kỳ cho những hoạt động anh dũng chống lại quân thù từ 26 Tháng 9 Năm 1971 đến 20 Tháng 10 Năm 1971. Những quân nhân sau đây được cấp tặng.

TRẦN HỮU PHƯỚNG	1LT	68/120.202	30th Bn
ĐOÀN VĂN XƯỚNG	1LT	65/128.415	30th Bn
VŨ VẶN CÁT	CPT	61/115.012	5th Gp
NGUYỄN PHÁC AN	1LT	63/112.157	33rd Bn
HUỲNH VĂN GIAO	SGT	65/175.713	33rd Bn
NGUYỄN CÔNG ĐỆ	2LT	68/143.447	38th Bn
NGÔ HỒNG HẢI	SFC	51/112.337	38th Bn
LÊ VĂN MINH	SGT	64/139.009	38th Bn
PHẠM VĂN TRAC	SGT	59/200.684	Recon Co

2. THE ARMY COMMENDATION MEDAL WITH "V" DEVICE.

QUÂN PHONG BỘI TINH.

TRẦN TRAI	SGT	63/128.415	30th Bn
KIỀU PHƯỚC LAM	SFC	66/159.801	30th Bn
NGUYỄN VĂN HOÀNG	SFC	71/120.420	30th Bn
HUỲNH BÁI	SFC	65/200.561	30th Bn
DƯƠNG VỐN	CPL	70/108.853	30th Bn
ĐẶNG VĂN XINH	CPL	68/127.350	30th Bn
NGUYỄN VĂN CÓ	PFC	72/135.099	30th Bn
NGUYỄN VĂN LONG	PFC	72/104.883	30th Bn
NGUYỄN VĂN VÃNG	SGT	65/175.713	33rd Bn
BÙI VĂN TIẾN	CPL	58/823.396	33rd Bn
LÊ VĂN NGÂN	1CPL	70/108.326	33rd Bn
NGUYỄN VIẾT TỪ	CPL	70/112.796	38th Bn
PHẠM VĂN CHỌI	PVT	71/135.001	38th Bn
TRẦN VĂN HỮU	1CPL	62/157.342	Recon Co

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: ____________
VEWL.#: ____________
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: ____________

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyễn (Last) Công (Middle) Đệ (First)

   Current Address: K1/B 74 Hiệp Thành TX. Thủ Dầu 1 Sông Bé

   Date of Birth: 18 Place of Birth: ____________

   Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position) 1st Lt.

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 09/20/74 To 12/9/80
   Years: 6 Months: ______ Days: ______

3. SPONSOR'S NAME: ____________
   Name
   ____
   Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: ____________

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : ______________________
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

____

____

6. ADDITIONAL INFORMATION :

NATIONAL OFFICE
IMMIGRATION AND REFUGEE SERVICES
1312 MASS. AVE. N.W.
WASHINGTON D.C. N.W.

ATTIMES U.S.A.

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

THE PURPOSE OF THIS FORM IS TO IDENTIFY PERSONS WHO ARE ARE OR WERE FORMERLY INTERNED IN RE-EDUCATION CAMP IN VIETNAM SO THAT ELIGIBILITY FOR US ADMISSION VIA THE ODP CAMP CAN BE ESTABLISHED :

APPLICANT IN VIETNAM

NAME : ĐE NGUYEN CONG SERVICE NUMBER: 68/143447

RANK : 1 Lieutenant

FUNCTION : companie commander

CURRENT ADDRESS : K1/B74 Tổ 1, Hiệp Thành, TX Thủ dầu một tỉnh Sông Bé

DATE OF BIRTH - 10 05 - 1948

NAME OF ACCOMPANYING RELATIVE DEPENDANT :

SÁNG PHAN-THỊ Vợ 1953
THUY NGUYEN-PHƯƠNG con 1987

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP : 06 năm 03 tháng

FROM : 20-09-1974 TO : 09-12-1980

SIGNATURE OF THE APPLICANT:

Đệ

Đệ Nguyễn-công

BỘ NỘI VỤ
Trại [illegible]

Số 415 /GRT

[illegible] XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTC ban hành theo công văn số 2555 [illegible] ngày 11 [illegible] năm 1972

SỐ ĐLĐ : 00[illegible].76.0781.2

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư [illegible] ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án, văn quyết định tha số 1BNV/QĐ ngày 30 tháng 10 năm 1980

của Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh [illegible]

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày [illegible] tháng [illegible] năm [illegible]

Nơi sinh [illegible], Bình dương

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt
165/2 ấp 2 [illegible], Châu thành, Bến tre.

Can tội [illegible] trước.

Bị bắt ngày 9.[illegible]-74 án phạt [illegible]

Theo quyết định [illegible] văn số [illegible] ngày [illegible] tháng [illegible] năm 1978 của Bộ nội Vụ.

Đã bị tăng án [illegible] lần, cộng thành [illegible] năm [illegible] tháng

Đã được giảm án [illegible] lần, cộng thành [illegible] năm [illegible] tháng

Nay về [illegible] 165/2 ấp 2 [illegible] thành, châu thành, Bến tre.

Nhận xét quá trình cải tạo

[illegible] : [illegible] có biểu hiện [illegible], tin tưởng vào sự [illegible] nước ta. Lao động có nhiều cố gắng [illegible] nhưng chưa chịu khó học hỏi để nâng [illegible] chất lượng công việc đạt chưa cao. [illegible] chấp hành [illegible] phạm gì lớn. Xếp loại cải tạo [illegible].

SỞ TÀI CHÍNH [illegible] 100

SỞ TÀI CHÍNH [illegible] 100

[illegible] SY

Lăn tay ngón trỏ [illegible]
Của Nguyễn [illegible]
Danh bản [illegible]
Lập tại 2375

[illegible] ngày [illegible] ký [illegible]

Ngày 9 tháng 12 năm 1980
Giám thị [illegible]

[illegible] TRUNG ÚY : [illegible]

Sông Bé. 19-08-1989

Kính thăm cô.

Lời nói đầu tiên là kính chúc cô và gia quyến được nhiều sức khoẻ. Sau đây cháu xin tự giới thiệu cháu là bạn của anh Trước từ lâu cháu nghe anh Trước mới về có rất nhiều nhưng cháu không dám làm phiền cô. Qua mấy lần nộp đơn gởi qua Mỹ cũng như ở Thái Lan mãi đến nay cháu không được hồi báo nào cả. Hoàn cảnh cháu hơi phức tạp. Cháu là sĩ quan BĐQ mà chế độ Sàigòn. Thg 05/72 trong cuộc giải tỏa cho Trung đoàn 56/SĐ3BB ở Quảng Trị cháu bị CM bắt giam ngoài Bắc. Thg 03/73 cháu được trao trả về Nam theo hiệp định Paris. Thg 08/73 cháu lại tiếp tục phục vụ trong quân đội. Thg 12/73 cháu được đổi ra TĐ 70 BĐQ ở Quảng Ngãi và được chỉ huy đại đội. Thg 9/74 cháu bị CM bắt lại lần II trong đợt tấn công căn cứ và đem ra Bắc giam. Thg 12/80 cháu được về sum họp gia đình. Từ năm 1981 đến 1983 cháu đi làm rẫy ở Chơn Thành

nhưng bị thất bại. Cuộc sống ngày càng khó khăn nên giữa năm 1984 cháu được người quen đem vào làm CN hợp đồng cho một cơ quan mãi đến hôm nay. Mang tiếng là CN nhưng ở đây lúc muốn cho nghỉ lúc nào cũng được.

Vậy hôm nay cháu gởi cho cô lá thư này nhờ cô xem xét như vậy cháu có đủ điều kiện được bảo lãnh của Mỹ theo chương trình O.D.P không? Nếu được cô cố gắng giúp đỡ cho cháu sang Mỹ càng sớm càng tốt. Còn nếu không có làm ơn cho cháu biết luôn.

Thành thật cảm ơn cô nhiều

Cháu cô.

ODP 1/21/89

ODP/Date

Membership Letter

10/4/89

1.- Tóm lược.- Ô. Nguyễn Công Hệ. Trung úy bị bắt 2 lần. Lần cuối bị bắt tập trung 9/74 và được tha 09/11/80 (Có CoKT - tiền 6 năm) Đã nộp hồ sơ Tiếp Đón để đi theo diện HO ngày 20/10/89-

2.- Nhận xét & đề nghị.- Trong hồ sơ không thấy ghi thuộc danh sách HO nào? hồ sơ từ năm 1989 tại tỉnh. Có lẽ giờ này đã ở vô. Hỏi nhân viên sở của T/A gởi thơ v.v. ngày 2/5/90 - không thấy và không biết điều điển hồ sơ thư năm 1990 - Đề nghị xếp-

FROM: Ngô-công-Đề
K1/B74 Hiệp Thành
T.X Thủ dầu một Sông bé

PAR AVION

A

TO: KHÚC-MINH-THƯ
P.O. BOX 5454 ARLINGTON
V.A 22205-0635
U.S.A.

15g = 10h80